

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2024
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình:
Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Pháp và ông Nguyễn Thành Phước.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:**
Ông Bùi Ngọc Hương – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; Số điện thoại: 0347.339.354.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Vũ L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; Số điện thoại: 0384.677.099.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy N trình bày: Chị và anh Lê Văn Vũ L do mai mối rồi chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung tên Lê Văn Vũ L1, sinh ngày 15/9/2008, Lê Thị Mai L2, sinh ngày 13/02/2011. Tuy nhiên đến năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân

là do anh **L** không lo cho gia đình, kinh tế gia đình chỉ mình chị gánh vác. Mặc dù, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh **L** vẫn không thay đổi.

Nay, chị **Nguyễn Thị Thùy N** nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Thùy N** yêu cầu được ly hôn anh **Lê Văn Vũ L**;

Về con chung: Có hai con chung tên **Lê Văn Vũ L1**, sinh ngày 15/9/2008, **Lê Thị Mai L2**, sinh ngày 13/02/2011. Khi ly hôn chị **Nguyễn Thị Thùy N** yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh **Lê Văn Vũ L** cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Theo Biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh **Lê Văn Vũ L** trình bày:*

Về quá trình hôn nhân anh thống nhất với trình bày của chị **Nguyễn Thị Thùy N**. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thùy N** thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh **Lê Văn Vũ L** không đồng ý ly hôn chị **Nguyễn Thị Thùy N** vì còn thương vợ con. Mâu thuẫn phát sinh cũng do lỗi của anh nhưng anh mong muốn hàn gắn để có cơ hội lo cho vợ con;

Về con chung: Có hai con chung tên **Lê Văn Vũ L1**, sinh ngày 15/9/2008, **Lê Thị Mai L2**, sinh ngày 13/02/2011. Trường hợp phải ly hôn anh **Lê Văn Vũ L** yêu cầu được nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu chị **Nguyễn Thị Thùy N** cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thùy N** trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh **Lê Văn Vũ L**; yêu cầu được nuôi cháu **Lê Văn Vũ L1**, **Lê Thị Mai L2** và không yêu cầu anh **Lê Văn Vũ L** cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Lê Văn Vũ L** trình bày: **Anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy N; nếu phải ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy N

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy N được ly hôn với anh Lê Văn Vũ L.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Văn Vũ L1, sinh ngày 15/9/2008, Lê Thị Mai L2, sinh ngày 13/02/2011 cho chị Nguyễn Thị Thùy N trực tiếp nuôi, anh Lê Văn Vũ L không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Lê Văn V Lâm chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17/KH, quyển số 01/2018 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh An Giang cấp ngày 12/3/2008). Anh Lê Văn Vũ L có địa chỉ thường trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị Nguyễn Thị Thùy N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Văn Vũ L; yêu cầu được nuôi con chung là nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Xét việc tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Lê Văn Vũ L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh An Giang theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị Nguyễn Thị Thùy N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh Lê Văn Vũ L không lo cho gia đình, kinh tế gia đình chỉ mình chị gánh vác. Quá trình giải quyết vụ án, anh L thừa nhận mâu thuẫn phát sinh cũng do lỗi của anh nhưng anh vẫn còn thương vợ con nên mong muốn được hàn gắn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Lê Văn Vũ L xuất phát từ việc anh L không lo cho gia đình, chị đã khuyên nhiều lần và đã tạo cơ hội cho anh sửa đổi, vun đắp hạnh phúc gia đình nhưng anh L vẫn không thay đổi. Anh L mong muốn hàn gắn nhưng chị N cương quyết ly hôn cho thấy hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị **Nguyễn Thị Thùy N** được ly hôn với anh **Lê Văn Vũ L**.

[2.2] Về con chung:

Chị **Nguyễn Thị Thùy N** và anh **Lê Văn Vũ L** thống nhất có hai con chung là **Lê Văn Vũ L1**, sinh ngày 15/9/2008, **Lê Thị Mai L2**, sinh ngày 13/02/2011, hiện tại cháu **L1**, cháu **L2** đang sống cùng chị **N**. Quá trình giải quyết vụ án cháu **L1**, cháu **L2** cũng có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng với chị **N**. Xét thấy, việc giao cháu **L1**, cháu **L2** cho chị **N** tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết để không làm ảnh hưởng cuộc sống của cháu.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Thị Thùy N** giao cháu **Lê Văn Vũ L1**, cháu **Lê Thị Mai L2** cho chị **Nguyễn Thị Thùy N** tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con:

Tòa án đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng chị **Nguyễn Thị Thùy N** vẫn không yêu cầu và anh **Lê Văn Vũ L** cũng không cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung:

Chị **Nguyễn Thị Thùy N** và anh **Lê Văn Vũ L** thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung:

Chị **Nguyễn Thị Thùy N** và anh **Lê Văn Vũ L** thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Như các phân tích nêu trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thùy N**.

1. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thùy N được ly hôn với anh Lê Văn Vũ L.

2. *Về con chung:* Giao cháu Lê Văn Vũ L1, sinh ngày 15/9/2008, Lê Thị Mai L2, sinh ngày 13/02/2011 cho chị Nguyễn Thị Thùy N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn Vũ L không cấp dưỡng cho con.

Anh Lê Văn Vũ L và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị Nguyễn Thị Thùy N. Chị Nguyễn Thị Thùy N và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Văn Vũ L trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về quan hệ tài sản:*

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Lê Văn Vũ L xác định không có nợ chung. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Lê Văn Vũ L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thùy N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013567 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. Chị Nguyễn Thị Thùy N đã nộp đủ. Anh Lê Văn Vũ L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (1);
- Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Trí Nguyên